

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HS-ST**
Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến;

Bà Trịnh Thị Tình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Thái Ngọc Từ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 tại Q; Nghề nghiệp: Công nhân; Nơi đăng ký thường trú: xã X, huyện B, tỉnh Q; Chỗ ở hiện nay: khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Trình độ văn hoá (học vấn): 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; Bị cáo có vợ tên Lê Thị N, sinh năm 1991 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 01/10/2020, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 09/10/2020.

Bị cáo tại ngoại - *Có mặt;*

2. Lê Văn T1, sinh năm 1966 tại S; Nghề nghiệp: Công nhân; Nơi đăng ký thường trú: Ấp P 2, xã H, huyện M, tỉnh S; Chỗ ở hiện nay: Khu phố L3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Bị cáo có vợ tên Ngô Thị M, sinh năm 1969 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 01/10/2020, hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 09/10/2020.

Bị cáo tại ngoại - *Có mặt*;

- *Bị hại*: Công ty TNHH M1.

Địa chỉ: KCN T, thành phố B, tỉnh Đ;

Đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Han CH – Tổng Giám đốc (BL 198)

Đại diện theo ủy quyền của ông Chen, Han CH: Bà Chiang Yen SH – Phó Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Đường số 07, KCN T, thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Chiang Yen SH: Ông Vũ Duy T2 – Trưởng phòng Hành chính nhân sự - *Có mặt*;

Địa chỉ: KCN T, thành phố B, tỉnh Đ;

- *Người làm chứng*:

1. Anh Hà Văn T3, sinh năm 1982 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Ấp T 2, phường P 1, thành phố B, tỉnh Đ;

2. Anh Tô Văn S, sinh năm 1967 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Khu phố L3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ;

3. Anh Lê Minh H1, sinh năm 1997 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đ;

4. Anh Võ Văn T4, sinh năm 1992 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đ;

5. Chị Trần Bích T5, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*;

Địa chỉ: Khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn H làm công nhân ở bộ phận quản lý kho S và bị cáo Lê Văn T1 làm công nhân vệ sinh dọn dẹp rác thải của Công ty TNHH M1 (100% vốn đầu tư nước ngoài), địa chỉ tại KCN T, thành phố B, tỉnh Đ.

Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2020, bị cáo H đến gặp và bàn bạc với bị cáo T1 lấy trộm sơn trong công ty bán lấy tiền chia nhau tiêu xài và được bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo H có nhiệm vụ thuê xe ô tô để vào công ty chở sơn trộm được, còn bị cáo T1 lo việc xe ô tô ra vào công ty không bị kiểm tra. Bị cáo H thuê xe ô tô biển số 60C-xxx của anh Hà Văn T3, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú tại khu phố T 2, phường P 1, thành phố B, tỉnh Đ vào công ty để chở hàng. Bị cáo T1 đến gặp bảo vệ của Công ty M1 là anh Tô Minh S, sinh năm 1967, địa chỉ tại khu phố L3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ là người đang bảo vệ ca trực từ 06 giờ

đến 17 giờ ngày 12/9/2020, bị cáo T1 nói với anh S khi nào có xe tải vào thì cho vào chở hàng rác cho bị cáo T1, phiếu cân hàng bị cáo T1 sẽ bổ sung sau. Đến 17 giờ thì anh T3 điều khiển xe đến công ty và báo với anh S là chở hàng cho bị cáo T1 nên xe được vào công ty, sau đó bị cáo T1 và bị cáo H dẫn xe ô tô tải vào khu vực để sơn. Bị cáo T1 mở cửa thùng xe tải còn H dùng xe nâng của công ty nâng hai thùng sơn mã sản phẩm BFFP-8-032MS và BFN-711 trọng lượng 200kg/thùng lên xe và khiêng thêm 03 thùng sơn có mã sản phẩm K/S-001, K/S-002, K/S-003 có trọng lượng 25kg/thùng lên xe. Sau khi lấy trộm sơn, bị cáo T1 dẫn anh T3 điều khiển xe tải chạy ra ngoài cổng công ty, khi đến cổng công ty thì bị anh Lê Minh H1, sinh năm 1997, địa chỉ: xóm 8, xã D, huyện D1, tỉnh N1 và anh Võ Văn T4, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đ là bảo vệ của công ty thay ca cho anh S. T1 nói cho xe qua cổng hôm sau bổ sung phiếu cân hàng sau, nhưng anh T4 không đồng ý nên bị cáo T1 bỏ về nhà. Anh T4 kiểm tra xe ô tô phát hiện số sơn trên xe không có chứng từ phiếu ra cổng nên giữ xe, báo lãnh đạo công ty và Công an phường T đến lập hồ sơ và tạm giữ xe ô tô tải và số sơn trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội.

- Tại kết luận định giá tài sản số 431/KL-HĐĐGTS ngày 05/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: 01 thùng phi bên trong có sơn có mã sản phẩm BFP-8-032MS trị giá 14.800.000đ (*Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng*). 01 thùng phi bên trong có sơn có mã sản phẩm BFN-711 trị giá 10.716.000đ (*Mười triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng*); 01 can nhựa bên trong có sơn có mã sản phẩm K/S-001 trị giá 3.718.500đ (*Ba triệu bảy trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*); 01 can nhựa bên trong có sơn có mã sản phẩm K/S-002 trị giá 4.413.500đ (*Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*); 01 can nhựa bên trong có sơn có mã sản phẩm K/S-003 trị giá 4.413.500đ (*Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*). Tổng giá trị số sơn định giá là 38.062.100đ (*Ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm đồng*).

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 xe ô tô biển số 60C-xxx do anh Hà Văn T3 là chủ sở hữu, đã trả lại cho anh T3.

- 01 thùng sơn mã sản phẩm BFP-8-032MS trọng lượng 200kg/thùng; 01 thùng sơn mã sản phẩm BFN-711 trọng lượng 200kg/thùng; 01 thùng sơn mã sản phẩm K/S-001 trọng lượng 25kg/thùng; 01 thùng sơn mã sản phẩm K/S-002 trọng lượng 25kg/thùng và 01 thùng sơn mã sản phẩm K/S-003 trọng lượng 25kg/thùng Cơ quan điều tra đã trả lại cho công ty M1.

- 01 USB màu đỏ có 05 file hình ảnh bị can H dẫn xe tải vào công ty lưu hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 2083/CT-VKS-P2 ngày 08/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Đối với hành vi của anh Hà Văn T3 dùng xe ô tô biển số: 60C-xxx chở số sơn do H và T1 trộm của công ty là do H thuê xe ô tô của anh T3, H và T1 không có sự bàn bạc trước với anh T3, anh T3 không biết số sơn đã chở là do trộm cắp mà có. Anh Tô Minh S cho xe của anh T3 vào công ty mà không ghi sổ là vi phạm quy định của công ty. Anh S không thỏa thuận bàn bạc với H và T1 về việc trộm tài sản của công ty. Do đó, hành vi của anh T3 và anh S không có dấu hiệu của tội phạm hình sự trong vụ án, nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn H và Lê Văn T1 đã khai nhận hành vi phạm tội và khẳng định cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai là đúng. Các bị cáo đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho các bị cáo, tài sản của công ty cũng đã nhận lại đầy đủ và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, các bị cáo đã nhận tội. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn H từ 10 tháng đến 16 tháng tù, bị cáo Lê Văn T1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các bị cáo, các bị cáo đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được Luật sư bào chữa, tại phiên tòa, các bị cáo cũng không khiếu nại thắc mắc gì.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 đã cấu kết với nhau để thực hiện hành vi phạm tội là trộm cắp tài sản của Công ty TNHH M1 (100% vốn đầu tư của Đài Loan) với tổng số tài sản trị giá 38.062.100 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo như sau: Các bị cáo phạm tội đồng phạm gián đơn, bị cáo H là người rủ rê, đề xuất và cùng bị cáo T1 thực

hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi lượng hình phạt thì bị cáo H phải là người có mức án cao hơn.

[4] Tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ:

+ Tình tiết tăng nặng: Không;

+ Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, phạm tội chưa đạt được quy định tại điểm h, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình tại ngoại, các bị cáo chấp hành tốt quy định pháp luật, có nơi ở rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 15 Bộ luật hình sự;

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù**, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 4 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo **Lê Văn T1 01 (một) năm tù**, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Giao bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ nơi các bị cáo cư trú sinh sống để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án được cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân T. Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo - Các đương sự;
- PV06 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Nam Phương